

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HOÀ**

Số: 3219 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hoà, ngày 22 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hoà
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hoà đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hoà đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch nâng loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030";

Căn cứ Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Tỉnh ủy Khánh Hòa về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Tỉnh ủy Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Tỉnh ủy Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022 của

UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 17 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII số 33-NQ/TU ngày 06 tháng 12 năm 2023 và Kết luận Hội nghị lần thứ 17 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVIII) số 515-KL/TU ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Tỉnh ủy Khánh Hòa;

Căn cứ Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4119/TTr-SXD ngày 24 tháng 11 năm 2023, số 4568/TTr-SXD ngày 21 tháng 12 năm 2023 và Báo cáo kết quả thẩm định số 4117/BC-SXD ngày 24 tháng 11 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Chương trình PTĐT tỉnh) với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu chương trình

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chương trình, đề án nhằm thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị định hướng đến năm 2030 Khánh Hòa đạt tiêu chí đô thị loại I - thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Nội dung chương trình

Đến năm 2030, Khánh Hòa là thành phố trực thuộc Trung ương với 09 đơn vị hành chính cấp huyện (02 thành phố, 02 thị xã, 03 huyện và 02 quận); trong đó:

- Thành phố Nha Trang; thành phố Cam Lâm.
- Thị xã Diên Khánh; thị xã Vạn Ninh.
- Huyện Khánh Sơn; huyện Khánh Vĩnh; huyện Trường Sa.

- Quận Ninh Hòa (thành lập trên cơ sở một phần diện tích, dân số thị xã Ninh Hòa và nghiên cứu tách một số xã phù hợp để sát nhập sang các địa phương khác bảo đảm tiêu chí lên quận); quận Cam Ranh.

2.1 Các chỉ tiêu phát triển đô thị chính từ thời điểm hiện nay đến năm 2025, đến trước năm 2030

2.1.1. Giai đoạn đến năm 2025

- a) Tỷ lệ đô thị hoá đạt 65%.

b) Về hệ thống đô thị

- Thành phố Nha Trang hoàn thiện 100% các tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại I thuộc tỉnh, các xã ngoại thành phấn đấu hoàn thiện tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng của phường nội thành.

- Thành phố Cam Ranh cơ bản đạt một số tiêu chuẩn, tiêu chí của đô thị loại II.

- Thị xã Ninh Hòa là đô thị loại IV, tiếp tục phấn đấu nâng cấp chất lượng đô thị, cơ bản đạt một số tiêu chí của đô thị loại III.

- Thị xã Diên Khánh (thành lập trên cơ sở dân số, diện tích của huyện Diên Khánh), đô thị loại IV.

- Huyện Vạn Ninh đạt tiêu chí, tiêu chuẩn của đô thị loại IV thuộc tỉnh Khánh Hòa. Thị trấn Vạn Giã, xã Đại Lãnh (huyện Vạn Ninh) đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị khu vực dự kiến thành lập phường nội thị.

- Thị trấn Cam Đức (huyện Cam Lâm) đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV, xã Suối Tân (huyện Cam Lâm) đạt đô thị loại V. Huyện Cam Lâm được tập trung đầu tư phát triển đô thị mới Cam Lâm để định hướng phân loại đô thị tối thiểu là đô thị loại IV, cơ bản đạt một số tiêu chuẩn, tiêu chí của đô thị loại III trong giai đoạn này (để đến năm 2030 có thể đạt được mục tiêu phân loại đô thị loại I).

- Thị trấn Tô Hạp - huyện Khánh Sơn, thị trấn Khánh Vĩnh - huyện Khánh Vĩnh, thị trấn Trường Sa - huyện Trường Sa là các đô thị loại V.

c) Đất xây dựng đô thị dự báo đạt 28.190 ha (bao gồm đất hiện trạng năm 2022 là 8.244 ha), chiếm tỷ lệ 5,4 % so với diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh.

d) Các chỉ tiêu thống kê phát triển đô thị phấn đấu đáp ứng nhu cầu thực tế phát triển đô thị của địa phương

- Mật độ dân số khu vực nội thành tính trên diện tích đất xây dựng đô thị đạt trên 10.000 người/km², phấn đấu đạt 11.000 người/km².

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị đạt trên 65% (trong đó khu vực nội thành đạt trên 85%), phấn đấu đạt 77,97% (trong đó khu vực nội thành đạt 85,5%).

- Diện tích nhà ở bình quân đạt 28m²/người.

- Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị đạt 16% đến 20%.

- Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật đạt trên 40%.

2.1.2. Giai đoạn năm 2026 đến trước năm 2030

a) Tỷ lệ đô thị hoá đạt 70%.

b) Về hệ thống đô thị

Trong giai đoạn 2026 – 2030, Khánh Hòa tiếp tục hoàn thiện tiêu chí là đô thị loại I – thành phố trực thuộc Trung ương; các đô thị trực thuộc tập trung thực hiện các dự án tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn còn thấp theo loại đô thị được quy hoạch, triển khai thành lập, công nhận, nâng loại một số đô thị, cụ thể:

- Thành phố Nha Trang tiếp tục là đô thị loại I; thành lập phường nội thành trên cơ sở các xã ngoại thành đã đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị.

- Thành phố Cam Ranh hoàn thiện tiêu chí đô thị loại II; đồng thời cơ bản đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị áp dụng đối với khu vực dự kiến thành lập quận.

- Thị xã Ninh Hòa hoàn thiện tiêu chí đô thị loại III; đồng thời cơ bản đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị áp dụng đối với khu vực dự kiến thành lập quận.

- Thị xã Diên Khánh – đô thị loại IV.

- Thành lập thị xã Vạn Ninh – đô thị loại IV và các phường nội thị.

- Huyện Cam Lâm hoàn thiện tiêu chí đô thị loại I, dự kiến năm 2029 là thành phố. Thị trấn Cam Đức, đô thị Suối Tân và một số xã trực thuộc hoàn thiện tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị của phường nội thành.

- Các thị trấn đã đạt đô thị loại V: Tô Hạp - thị trấn thuộc huyện Khánh Sơn cơ bản đạt một số tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV, đặc thù miền núi; Khánh Vĩnh - thị trấn thuộc huyện Khánh Vĩnh cơ bản đạt một số tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV, đặc thù miền núi; Trường Sa - thị trấn thuộc huyện Trường Sa cơ bản đạt một số tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV, đặc thù hải đảo.

c) Đất xây dựng đô thị dự báo đạt 46.367 ha (bao gồm đất hiện trạng năm 2022 là 8.244 ha), chiếm tỷ lệ 8,9% so với diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh.

d) Các chỉ tiêu thống kê phát triển đô thị phân đầu đáp ứng nhu cầu thực tế phát triển đô thị của địa phương

- Mật độ dân số khu vực nội thành tính trên diện tích đất xây dựng đô thị đạt 12.000 người/km².

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị đạt trên 75%, phân đầu đạt 81,91% (trong đó khu vực nội thành đạt 87%).

- Diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt 32m²/người.

- Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị đạt 24%.

- Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật phân đầu đạt trên 60%.

2.2. Các chương trình, đề án trọng tâm để từng bước thực hiện phát triển bền vững đô thị

UBND thành phố Nha Trang, UBND thành phố Cam Ranh triển khai thực hiện thí điểm các đề án phát triển đô thị ứng phó biến đổi khí hậu và kịch bản nước biển dâng; đề án phát triển đô thị thông minh và sẽ được triển khai rộng rãi cho các địa phương trên địa bàn toàn tỉnh (Nội dung cụ thể về thời gian, nguồn lực, đơn vị chủ trì thực hiện, kết quả của các đề án sẽ được cụ thể khi triển khai lập, phê duyệt và thực hiện từng đề án cụ thể).

Đối với các đề án phục vụ phát triển bền vững đô thị khác sẽ được tiếp tục nghiên cứu đề xuất khi Chính phủ, các Bộ, ngành ban hành các quy định, hướng

dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

2.3. Các dự án đầu tư phát triển đô thị sử dụng nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn khác ngoài đầu tư công được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên cho từng giai đoạn hàng năm, 5 năm và 10 năm

Danh mục các dự án đã thể hiện chi tiết tại Phụ lục II.1; Phụ lục II.2 và Phụ lục III – Phần C của hồ sơ Chương trình PTĐT tỉnh.

Tên, vị trí, quy mô, diện tích, mục đích đầu tư, tổng mức đầu tư của các dự án/nhóm dự án/khu vực phát triển dự án sẽ được chủ đầu tư xác định chính thức trong giai đoạn lập và trình phê duyệt dự án đầu tư, đảm bảo thực hiện theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền.

Danh mục các dự án sẽ được rà soát, cập nhật, điều chỉnh và bổ sung định kỳ hàng năm và giai đoạn 5 năm theo quy định của pháp luật.

2.4. Dự kiến nhu cầu kinh phí, nguồn vốn

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình PTĐT tỉnh đến năm 2030, (nguồn vốn đầu tư toàn xã hội) dự kiến khoảng 1.299.000 tỷ đồng (*bằng chữ: Một triệu hai trăm chín mươi chín nghìn tỷ đồng*), trong đó:

- Giai đoạn đến năm 2025 là 549.053 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2026 - 2030 là 749.947 tỷ đồng.

Chi tiết từng nguồn vốn theo từng giai đoạn như sau:

a) Ngân sách Trung ương là: 73.440,7 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 5,65 % tổng nguồn vốn), trong đó:

+ Giai đoạn đến năm 2025 là: 65.005,7 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2026 – 2030 là: 8.435 tỷ đồng (*các dự án trọng tâm trọng điểm sẽ được xác định sau 2024, tiếp tục cập nhật bổ sung theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 -2030*).

+ Giai đoạn sau năm 2030: chưa xác định.

b) Ngân sách địa phương là: 48.646,3 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 3,74 % tổng nguồn vốn), trong đó:

+ Giai đoạn đến năm 2025 là: 32.251,3 tỷ đồng; *trong đó vốn Ngân sách địa phương thực hiện đầu tư công trung hạn theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân khoảng 18.939,2 tỷ đồng, còn lại 13.312,1 là vốn ngân sách đối ứng thực hiện các dự án hạ tầng khung trọng điểm cấp quốc gia, cấp vùng ... theo quy hoạch tỉnh.*

+ Giai đoạn 2026 – 2030 là: 16.395 tỷ đồng; *(các dự án trọng tâm trọng điểm sẽ được xác định sau 2024/tiếp tục cập nhật bổ sung theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 -2030).*

+ Giai đoạn sau năm 2030: chưa xác định.

c) Các nguồn vốn khác: 1.176.913 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 90,6 % tổng

nguồn vốn), trong đó:

- + Giai đoạn đến 2025: 451.796 tỷ đồng.
- + Giai đoạn 2026 – 2030: 725.117 tỷ đồng.
- + Giai đoạn sau năm 2030: chưa xác định.

Tổng mức đầu tư của các dự án/nhóm dự án trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư tùy thuộc vào khả năng huy động nguồn lực của từng giai đoạn. Số liệu này không dùng để công bố phục vụ các nội dung khác ngoài Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Khánh Hòa.

2.5. Thời gian thực hiện: từ năm 2023 đến năm 2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

- Chủ trì, tổ chức công bố Chương trình PTĐT tỉnh và các tài liệu kèm theo.

- Phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn chỉnh hệ thống bản vẽ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 06/2023/TT-BXD trước thời điểm công bố Chương trình CTPT tỉnh.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh Chương trình PTĐT tỉnh để đảm bảo sự phù hợp theo quy định sau khi các quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng được phê duyệt, quy hoạch tỉnh được điều chỉnh phê duyệt do bổ sung sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 6356/BKHĐT-QLQH ngày 08/8/2023 về việc bổ sung sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 vào quy hoạch tỉnh và thực hiện đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030 đang được Sở Nội Vụ chủ trì triển khai thực hiện.

- Tổ chức hướng dẫn các địa phương lập Chương trình phát triển đô thị thành phố, thị xã thuộc tỉnh, thị trấn thuộc huyện; lập các Đề án phân loại đô thị theo quy định pháp luật hiện hành.

- Tổ chức lưu trữ hồ sơ Chương trình PTĐT tỉnh theo quy định pháp luật về lưu trữ.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh kiến nghị với các Bộ, ngành Trung ương, các cơ quan liên quan huy động các nguồn lực thực hiện mục tiêu Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ban, ngành và địa phương nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn ngân sách hàng năm trong việc thực hiện Chương trình PTĐT tỉnh; tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư phát triển đô thị.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ban, ngành và địa phương tổ chức vận động, khai thác, điều phối các nguồn lực trong và ngoài nước cho

việc đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh nhằm đạt mục tiêu Chương trình đã đề ra.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ban, ngành và địa phương tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định về cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển đô thị.

- Tổ chức điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 6356/BKHĐT-QLQH ngày 08/8/2023 về việc bổ sung sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 vào quy hoạch tỉnh làm cơ sở để Sở Xây dựng rà soát điều chỉnh chương trình theo quy định.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ban, ngành và địa phương bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm trong việc thực hiện Chương trình PTĐT tỉnh.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định về cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển đô thị.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Tham mưu UBND tỉnh cân đối, điều chỉnh quy hoạch, chỉ tiêu, kế hoạch sử dụng đất để đảm bảo đáp ứng phù hợp với yêu cầu phát triển đô thị theo Chương trình PTĐT tỉnh.

5. Sở Giao thông Vận tải

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh kiến nghị với Trung ương có kế hoạch và cơ chế thu hút đầu tư triển khai các dự án hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương rà soát các dự án hạ tầng kỹ thuật giao thông theo quy hoạch, kế hoạch ngành và Chương trình PTĐT tỉnh, lập kế hoạch 5 năm để triển khai đồng bộ.

6. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, các Sở, ban, ngành và địa phương thực hiện công tác tham mưu với cơ quan có thẩm quyền trong việc tổ chức lập, thẩm định đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính đô thị cấp huyện, cấp xã.

- Tổ chức thực hiện đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030 theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại văn bản số 3604/BNV-CQDP ngày 12/7/2023 về việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030, Kế hoạch của UBND tỉnh số 8394/KH-UBND ngày 18/8/2023 làm cơ sở để Sở Xây dựng điều chỉnh Chương trình PTĐT tỉnh.

7. Các Sở, ban, ngành có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý được giao có trách nhiệm lồng ghép Chương trình PTĐT tỉnh để đảm bảo phù hợp các Chương trình, Đề án và đồng bộ với quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; hướng dẫn, kiểm

tra các địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực của từng Sở, ban, ngành quản lý; tham gia huy động nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng đô thị.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình PTĐT tỉnh theo kế hoạch, danh mục lộ trình nâng loại đô thị.

- Chủ trì xây dựng đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính đô thị cấp huyện, cấp xã đảm bảo theo quy hoạch phát triển, nâng cấp đô thị.

- Tổ chức lập Chương trình phát triển đô thị thành phố, thị xã thuộc tỉnh, thị trấn thuộc huyện; chủ động, bố trí, huy động nguồn lực nhằm phát triển đô thị phù hợp với lộ trình Chương trình PTĐT tỉnh.

- Định kỳ hàng năm, tổ chức đánh giá hiện trạng đô thị theo 5 tiêu chí, 63 tiêu chuẩn phân loại đô thị tại Nghị số 26/2022/UBTVQH15, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình PTĐT tỉnh về Sở Xây dựng để tổng hợp; tổ chức lập Đề án công nhận đô thị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *ds*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN, TV, MX. *46*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tấn Tuân